

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.084.265.598.926	1.056.121.343.898
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.259.329.191	131.787.822.045
1. Tiền	111		32.259.329.191	31.587.822.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	100.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		99.994.127.422	36.226.491.822
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	112.428.300.363	49.107.544.763
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(12.434.172.941)	(12.881.052.941)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.380.406.337	375.036.465.588
1. Phải thu khách hàng	131		279.382.699.521	308.649.788.657
2. Trả trước cho người bán	132		25.154.581.136	17.416.560.261
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	61.759.585.029	49.886.576.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(916.459.349)	(916.459.349)
IV. Hàng tồn kho	140		415.154.081.006	395.517.296.670
1. Hàng tồn kho	141	V.6	416.696.783.745	397.059.999.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.542.702.739)	(1.542.702.739)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		156.477.654.970	117.553.267.773
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.421.271.785	5.437.133.985
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.480.963.587	35.108.249.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	45.329.828	122.439.889
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	114.530.089.770	76.885.444.293

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		566.536.223.616	558.128.915.849
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		452.521.142.469	445.898.439.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	358.130.712.995	357.941.874.753
<i>Nguyên giá</i>	222		514.935.104.729	503.855.564.258
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(156.804.391.734)	(145.913.689.505)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.575.191.798	5.722.161.643
<i>Nguyên giá</i>	225		6.571.220.417	8.350.827.544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.996.028.619)	(2.628.665.901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	48.229.885.107	48.407.783.774
<i>Nguyên giá</i>	228		53.349.707.621	53.128.195.220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.119.822.514)	(4.720.411.446)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	41.585.352.569	33.826.619.624
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.497.824.790	30.000.844.663
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	1.258.654.000	655.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	25.029.170.790	25.135.844.663
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	4.210.000.000	4.210.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.986.282.501	15.798.849.481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	15.039.386.935	15.259.697.910
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	171.422.646	180.879.771
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.775.472.920	358.271.800
VI. Lợi thế thương mại	269	V.20	64.530.973.856	66.430.781.911
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.650.801.822.542	1.614.250.259.747

01007
CÔNG
CỔ PHẦN
QUỐC
SỞ N
IỂM - T

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	số	t		
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.221.549.723.968	1.186.851.044.020
I. Nợ ngắn hạn	310		1.035.778.585.733	1.015.751.552.900
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	794.518.947.869	744.360.643.520
2. Phải trả người bán	312		199.523.521.235	237.713.326.142
3. Người mua trả tiền trước	313		3.915.133.937	1.627.464.662
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	16.157.250.090	12.389.242.244
5. Phải trả người lao động	315		4.804.212.617	7.347.548.777
6. Chi phí phải trả	316	V.23	9.093.699.415	8.305.685.087
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	7.316.591.675	3.544.214.573
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.25	449.228.895	463.427.895
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		185.771.138.235	171.099.491.120
1. Phải trả dài hạn người bán	331		10.000.000	10.000.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	10.456.512.500	10.431.674.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	142.399.716.561	127.840.407.311
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	32.904.909.174	32.817.409.809
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371.166.282.338	370.144.765.230
I. Vốn chủ sở hữu	410		371.166.282.338	370.144.765.230
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	267.107.230.000	267.107.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.047.988.652	69.047.988.652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9.484.460.000)	(9.484.460.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.770.760.273	4.770.760.273
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.385.380.137	2.385.380.137
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37.339.383.276	36.317.866.168
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		58.085.816.236	57.254.450.497
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.650.801.822.542	1.614.250.259.747

75445-
TỶ
ÁN
TẾ
IA
P. HÀ N

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		115.870,31	503.700,86
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	495.006.684.983	481.693.859.124	495.006.684.983	481.693.859.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.229.278.657	232.681.661	3.229.278.657	232.681.661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		491.777.406.326	481.461.177.463	491.777.406.326	481.461.177.463
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	427.192.631.479	433.950.626.069	427.192.631.479	433.950.626.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.584.774.847	47.510.551.394	64.584.774.847	47.510.551.394
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.720.321.093	3.193.460.565	3.720.321.093	3.193.460.565
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	23.740.763.055	26.217.381.106	23.740.763.055	26.217.381.106
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.359.215.957	28.063.675.350	22.359.215.957	28.063.675.350
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	26.602.906.464	13.583.112.743	26.602.906.464	13.583.112.743
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	16.149.826.966	10.567.629.234	16.149.826.966	10.567.629.234
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.811.599.455	335.888.876	1.811.599.455	335.888.876
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.960.229.488	216.335.935	1.960.229.488	216.335.935
12. Chi phí khác	32	VI.9	224.107.113	2.333.998.057	224.107.113	2.333.998.057
13. Lợi nhuận khác	40		1.736.122.375	(2.117.662.122)	1.736.122.375	(2.117.662.122)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(106.673.873)	(257.849.037)	(106.673.873)	(257.849.037)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.441.047.957	(2.039.622.283)	3.441.047.957	(2.039.622.283)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.501.597.924	1.194.255.736	1.501.597.924	1.194.255.736

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

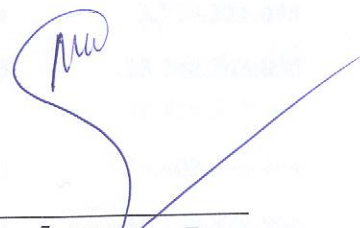
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		9.457.126		9.457.126	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.929.992.908	(3.233.878.019)	1.929.992.908	(3.233.878.019)
18..Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		831.365.739	(557.733.697)	831.365.739	(557.733.697)
18..Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.098.627.169	(2.676.144.322)	1.098.627.169	(2.676.144.322)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		42	(100)	42	(100)

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.441.047.957	(2.039.622.283)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		13.107.468.748	8.621.379.940
- Các khoản dự phòng	03		(446.880.000)	(5.612.220.531)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.090.839.378)	(373.129.449)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.359.215.957	28.063.675.350
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.370.013.284	28.660.083.027
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.404.382.091)	(16.354.529.742)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.636.784.336)	4.650.151.901
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.877.389.767)	(34.893.724.052)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(763.826.825)	852.284.828
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22.279.065.204)	(34.513.733.383)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(2.517.923.314)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.140.843.697	809.449.237
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.840.524.127)	(5.733.778.809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(66.809.038.683)	(56.523.796.992)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.730.171.423)	(9.168.118.936)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(65.300.755.600)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(603.654.000)	(5.206.138.922)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.197.513.251	245.804.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.437.067.772)	(14.128.453.527)



Cho quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Th uýế	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			2.649.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.156.691.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		475.560.200.830	411.054.357.920
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(410.422.656.831)	(376.635.174.106)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(419.930.400)	(424.500.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.717.613.599	34.486.992.814
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(84.528.492.856)	(36.165.257.705)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131.787.822.045	59.926.054.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			(5.099.456)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	47.259.329.191	23.755.696.999
			0	

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc 



Lê Thị Thanh Huyền



Nguyễn Thị Như Dung



Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

- Tổng số các Công ty con:** 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

Lý do không hợp nhất:

Công ty mới được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 4000900618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 31/10/2012.

- Danh sách công ty con không được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.	100%	100%

- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,13%	71,13%

- Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
--------------------	-----------------------------	---------------------------	-------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	48,41%	48,41%

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 Công ty có 1064 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 915 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng tài chính được dùng để chi cho các tổn thất, thiệt hại phát sinh trong hoạt động SXKD như các khoản phạt vi phạm chế độ tài chính, các khoản phạt về thực hiện hợp đồng, các khoản phạt vi phạm khác.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân loại nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.080.862.288	763.066.472
Tiền gửi ngân hàng	22.858.466.903	30.824.755.573
Tiền đang chuyển	3.320.000.000	
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	15.000.000.000	100.200.000.000
Cộng	47.259.329.191	131.787.822.045
(*) Trong đó: Tiền gửi tại Tài khoản phong tỏa	8.200.000.000	5.000.000.000

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		21.131.352.941		23.111.352.941
HSG			100.000	1.980.000.000
PET	210.000	3.822.000.000	210.000	3.822.000.000
PVX	640.600	12.824.352.941	640.600	12.824.352.941
VND	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác:		91.296.947.422		25.996.191.822
Công ty CP Hiway VN Vay tiền theo HĐ số 02/2011 ngày 02/01/2012		5.912.046.922		5.912.046.922
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng vay		20.794.900.500		20.084.144.900
Đại lý Thủy Linh- Lào Cai		15.000.000.000		
Đại lý Thanh Phần – Hà Tây		10.000.000.000		
Công ty Sơn Hà - Hải Phòng		12.090.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác		27.500.000.000		
Cộng		112.428.300.363		49.107.544.763

Toàn bộ số cổ phiếu trên bị phong tỏa để thực hiện Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 101210 HĐCC/AMC-SHI ngày 10 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà với Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.881.052.941	15.997.709.786
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	(446.880.000)	(5.603.356.845)
Số cuối kỳ	12.434.172.941	10.394.352.941

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền cho vay	582.861.056	719.963.844
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi		1.000.000.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	98.167.901	118.052.870
Phải thu về chuyển nhượng vốn	45.940.000.000	45.940.000.000
Các công ty Điện lực EVN - tiền hỗ trợ lắp đặt Thải dương năng		30.000.000
Công ty Sơn Hà	410.000.000	410.000.000
Các khoản phải thu khác và thuế GTGT chưa khấu trừ	14.728.556.072	1.668.559.305
Cộng	61.759.585.029	49.886.576.019

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(828.412.548)	(828.412.548)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(185.138.798)	(185.138.798)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(314.143.577)	(314.143.577)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(81.214.473)	(81.214.473)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(247.915.700)	(247.915.700)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(88.046.801)	(88.046.801)
Cộng	(916.459.349)	(916.459.349)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	26.092.275.075	34.664.797.844
Nguyên liệu, vật liệu	287.911.885.403	227.000.808.959
Công cụ, dụng cụ	7.144.600.428	7.004.804.889
Thành phẩm	63.975.110.143	103.237.207.363
Hàng hóa	31.357.707.731	24.937.175.389
Hàng gửi đi bán	215.204.965	215.204.965
Cộng	416.696.783.745	397.059.999.409

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành phẩm	(188.748.850)	(188.748.850)
Hàng hóa	(1.353.953.889)	(1.353.953.889)
Cộng	(1.542.702.739)	(1.542.702.739)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	269.916.284	237.775.118
Công cụ dụng cụ	712.646.154	588.763.685
CP quảng cáo, biển hiệu	1.309.058.012	1.529.436.020
Chi phí thuê nhà	815.509.857	501.506.831
Sửa chữa TB, nhà VP	249.303.232	
Chi phí khác	3.064.838.246	2.579.652.331
Cộng	6.421.271.785	5.437.133.985

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	107.756.445.898	65.102.839.575
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.773.643.872	11.126.198.377
Tài sản thiếu chờ xử lý		656.406.341
Cộng	114.530.089.770	76.885.444.293

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	204.137.972.481	226.431.669.220	60.741.884.081	12.544.038.476	503.855.564.258
Mua trong kỳ	124.110.000	7.562.777.706	3.716.363.640	346.674.731	11.749.926.077
Thanh lý trong kỳ		(670.385.606)			(670.385.606)
Giảm do mất					
Số cuối kỳ	204.262.082.481	233.324.061.320	64.458.247.721	12.890.713.207	514.935.104.729
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.413.808.535	103.000.800.332	20.012.384.760	4.486.695.878	145.913.689.505
Khấu hao trong kỳ	2.295.614.942	6.796.791.140	1.332.057.437	466.238.711	10.890.702.230
Thanh lý trong kỳ					
Giảm do mất					
Số cuối kỳ	20.709.423.477	109.797.591.472	21.344.442.196	4.952.934.590	156.804.391.734
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	185.724.163.946	123.430.868.888	40.729.499.321	8.057.342.598	357.941.874.753
Số cuối kỳ	183.552.659.004	123.526.469.848	43.113.805.525	7.937.778.617	358.130.712.995

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.779.607.127)		(1.779.607.127)
Số cuối kỳ	4.513.907.143	2.057.313.274	6.571.220.417
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.302.924.619	325.741.282	2.628.665.901
Khấu hao trong năm	150.035.728	51.432.834	201.468.562
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(834.105.844)		(834.105.844)
Số cuối kỳ	1.618.854.503	377.174.116	1.996.028.619
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.990.589.651	1.731.571.992	5.722.161.643
Số cuối kỳ	2.895.052.640	1.680.139.158	4.575.191.798

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	47.917.209.435	5.210.985.785	53.128.195.220
Mua trong năm		221.512.401	221.512.401
Số cuối kỳ	47.917.209.435	5.432.498.186	53.349.707.621
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.968.821.655	1.751.589.791	4.720.411.446
Khấu hao trong năm	212.632.218	186.778.850	399.411.068
Số cuối kỳ	3.181.453.873	1.938.368.641	5.119.822.514
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.948.387.780	3.459.395.994	48.407.783.774
Số cuối kỳ	44.735.755.562	3.494.129.545	48.229.885.107

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	2.042.575.484	475.260.480	(1.772.727)		2.516.063.237
Siêu thị Vinaconex Plaza	5.918.469.716	2.167.389.869			8.085.859.585
Đầu tư SX bồn nhựa	7.517.000	9.016.611.100	(3.898.755.777)		5.125.372.323
Quyền sử dụng đất tại Hóc Môn ^(*)	25.072.093.700				25.072.093.700
Công trình xử lý	760.662.016				760.662.016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
nước thải					
Các công trình khác	25.301.708				25.301.708
Sửa chữa tài sản					
Cộng	33.826.619.624	2.642.650.349	(3.900.528.504)		41.585.352.569

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	Sản xuất, thương mại	80.000.000.000	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh siêu thị	63.932.530.000	71,13%	0%	71,13%	0%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn hà Chu Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các SP inox	10.000.000.000	100%	0%	100%	0%

- (i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con sau khi đánh giá lại tài sản là 40,8 tỷ VND (vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND), chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty con.
- (ii) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex. Năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex tăng vốn điều lệ lên 63.932.530.000 VND phát hành cho các cổ đông khác, theo đó tỉ lệ sở hữu của Công ty còn 71,3%.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2013, Công ty đã góp 1.258.654.000 VND vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai. Số vốn còn phải góp là 8.741.346.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát	Kinh doanh	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	bất động sản				
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất, thương mại	48,41%	10.029.170.790	48,41%	10.135.844.663
Cộng			25.029.170.790		25.135.844.663

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%

(ii) Trong năm 2011, Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà để nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thoái vốn	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2013
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	9.682.000.000	347.170.790	10.029.170.790
Cộng	38.722.000.000	347.170.790	25.029.170.790

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		4.210.000.000		4.210.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty CP Hiway Việt Nam(i)		1.500.000.000		1.500.000.000
Cộng		4.210.000.000		4.210.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam 7.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp đủ 7.500.000.000 VND. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2011 liên quan đến việc xem xét tính khả thi và lợi nhuận dự án mang lại để quyết định về thời hạn đầu tư, ngày 25 tháng 10 năm 2012 HĐQT Công ty đã họp và quyết định chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012 với ông Lê Việt Quang. Đến thời điểm 31 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

03 năm 2013 Công ty chỉ còn sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	7.039.884.385	1.763.484.787	1.379.976.009	7.423.393.163
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường				
Phí bảo hiểm tài sản	148.334.086		74.593.767	73.740.319
Chi phí sửa chữa tài sản	120.647.552			120.647.552
Chi phí thuê văn phòng	294.957.234	200.000.000	305.011.449	189.945.785
Bảo lãnh phát hành trái phiếu				
Chi phí đền bù siêu thị Vinaconex	4.916.107.068		262.500.000	4.653.607.068
Các chi phí khác	2.739.767.585	412.419.280	574.133.817	2.578.053.048
Cộng	15.259.697.910	2.375.904.067	2.596.215.042	15.039.386.935

19. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	66.430.781.911
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(1.899.808.055)
Số cuối kỳ	64.530.973.856

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	715.702.416.796	656.874.779.902
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	113.968.491.544	89.260.551.214
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	49.451.641.255	13.846.467.100
Ngân hàng TMCP Hàng hải	141.437.561.110	74.541.917.046
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	66.210.061.055	65.242.356.316
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	222.591.009.814	202.851.888.718
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	51.900.643.262	63.900.365.026
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội		13.000.000.000
Ngân hàng VP Bank- CN Hàm Nghi	14.914.119.960	
Ngân hàng TMCP BIDV Hà Tây	36.421.082.618	115.940.182.559
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	18.807.806.178	18.291.051.923
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác		
Vay dài hạn đến hạn trả	28.110.236.659	36.359.638.804
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	706.294.414	1.126.224.814

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	50.000.000.000		50.000.000.000	
Cộng	794.518.947.869		744.360.643.520	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	656.874.779.902	36.359.638.804	1.126.224.814	50.000.000.000	744.360.643.520
Tiền vay phát sinh trong kỳ	458.387.659.157				458.387.659.157
Số kết chuyển		477.187.500			477.187.500
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu kỳ					
Tiền vay đã trả trong kỳ	(400.630.330.151)	(8.792.326.680)	(419.930.400)		(409.842.587.231)
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.070.307.888	65.737.035			1.136.044.923
Số cuối kỳ	715.702.416.796	28.110.236.659	706.294.414	50.000.000.000	794.518.947.869

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.441.989	2.487.338.831	2.431.360.130	64.420.690
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.070.499.596	20.539.246.871	16.641.316.729	7.968.429.738
Thuế xuất, nhập khẩu	64.794.066	218.602.167	189.668.899	93.727.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.426.915.265	1.578.707.985	2.517.923.314	1.487.699.936
Thuế thu nhập cá nhân	114.794.378	450.185.354	310.875.118	254.104.614
Tiền thuê đất	5.575.357.061	1.216.939.353	548.758.465	6.243.538.032
Các loại thuế khác	6.000.000	6.000.000	12.000.000	
Cộng	12.266.802.355	26.497.020.561	22.651.902.655	16.111.920.344

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.157.250.090	12.389.242.244
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(45.329.828)	(122.439.889)
Cộng	16.111.920.344	12.266.802.355

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.441.047.957	(2.039.622.283)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.565.343.740	6.816.645.227
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	2.813.172.242	6.816.645.227
Lỗ của các Chi nhánh	108.495.465	
Lỗ của Công ty con	698.194.849	4.646.488.135
Lỗ trong Công ty liên kết	106.673.873	257.849.037
Lợi thế thương mại	1.899.808.055	1.912.308.055
Chi phí không hợp lệ		
Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản nợ phải trả		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ		
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(247.828.502)	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(210.000.000)	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước		
Lãi đã thực hiện do hợp nhất kinh doanh	(37.828.502)	
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con		
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết		
Thuế bị phạt, bị truy thu, giảm trừ		
Lãi Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		
Hoàn nhập dự phòng Công ty liên kết		
Hoàn nhập dự phòng Công ty con Vinaconex		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay		
Thu nhập tính thuế	6.006.391.697	4.777.022.944
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.501.597.923	1.194.255.735
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%</i>		
Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	77.110.061	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.578.707.985	1.194.255.735

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m².

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	6.942.935.308	6.862.784.555
Chi phí sản xuất kinh doanh	2.019.572.500	1.387.624.712
Khuyến mại	78.267.000	
Chi phí bảo hành	52.924.607	55.275.820
Cộng	9.093.699.415	8.305.685.087

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.362.024.748	685.888
Kinh phí công đoàn	809.469.624	612.378.625
Bảo hiểm xã hội	266.572.194	169.092.277
Thù lao HĐQT, BKS		906.838.356
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn		1.379.556.058
Phải trả, phải nộp khác	4.878.525.109	475.663.369
Cộng	7.316.591.675	3.544.214.573

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	437.897.395	25.530.500	463.427.895
Tăng khác	31.731.000		31.731.000
Chi quỹ trong năm	(45.930.000)		(45.930.000)
Số cuối kỳ	423.698.395	25.530.500	449.228.895

25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.156.512.500	1.131.674.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	9.300.000.000
Cộng	10.456.512.500	10.431.674.000

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	138.689.792.811	127.179.980.311
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(a)	725.600.000	725.600.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(b)	7.880.666.615	7.880.666.615
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(c)	110.663.579.695	103.663.579.695
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng ^(d)	12.942.000.000	10.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn ^(e)	1.761.592.641	1.761.592.641
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(f)	69.410.000	69.410.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam ^(g)	2.261.131.360	2.261.131.360
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Mỹ Đình ^(h)	2.385.812.500	318.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.049.496.750	
Vay Bà Vũ Thu Hiền	3.049.496.750	
Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Công thương Việt Nam)	660.427.000	660.427.000
Cộng	142.399.716.561	127.840.407.311

- (a) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các tổ chức tín dụng khác.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh”, với lãi suất được quy định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, và các công trình nhà văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng khế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng khế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	138.689.792.811		138.689.792.811	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.049.496.750		3.049.496.750	
Thuê tài chính	660.427.000		660.427.000	
Cộng	142.399.716.561		142.399.716.561	.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng, cá nhân	Thuê tài chính	Trái phiếu có bảo đảm	Cộng
Số đầu năm	127.179.980.311	660.427.000		127.840.407.311
Số tiền vay phát sinh	19.036.496.750			19.036.496.750
Số tiền vay đã trả	(1.000.000.000)			(1.000.000.000)
Số kết chuyển	(3.477.187.500)			(3.477.187.500)
Giảm khác				
Số cuối kỳ	141.739.289.561	660.427.000		142.399.716.561

27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê mặt bằng	32.904.909.174	32.817.409.809
Cộng	32.904.909.174	32.817.409.809

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)		4.770.760.273	2.385.380.137	36.317.866.168	370.144.765.230
Lợi nhuận trong kỳ							1.098.627.169	1.098.627.169
Trích lập các quỹ trong kỳ								
Thưởng cho Ban lãnh đạo bằng cổ phiếu quỹ								
Mua lại cổ phiếu trong kỳ								
Thù lao Ban kiểm soát								
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ trước								
Thuế TNDN bị truy thu sau quyết toán							(77.110.061)	(77.110.061)
Chia cổ tức								
Thoái vốn công ty liên kết								
Thù lao HĐQT								
Số dư cuối kỳ	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	-	4.770.760.273	2.385.380.137	37.339.383.276	371.166.282.338

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
Cộng	267.107.230.000	267.107.230.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.710.723	26.710.723
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu được mua lại	716.060	716.060
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	716.060	716.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.994.663	25.994.663
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.994.663	25.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.254.450.497	51.899.868.732
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	831.365.739	(557.733.697)
Số cuối kỳ	58.085.816.236	51.342.135.035

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	495.006.684.983	481.693.859.124
- Doanh thu bán hàng hóa	62.149.164.608	44.833.091.599
- Doanh thu bán thành phẩm	419.538.131.566	436.277.924.104
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.319.388.809	582.843.421
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.229.278.657	(232.681.661)
Doanh thu thuần	491.777.406.326	481.461.177.463
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	58.919.885.951	44.833.091.599
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	419.538.131.566	436.045.242.443
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.319.388.809	582.843.421

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	52.001.168.794	41.301.664.968
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	371.756.506.293	392.639.868.361
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.434.956.392	9.092.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	427.192.631.479	433.950.626.069

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.626.062.251	2.476.993.269
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.361.451.000	3.795.062
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	522.807.842	712.672.234
Cộng	3.720.321.093	3.193.460.565

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	22.359.215.957	28.063.675.350
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		1.849.809.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.643.626.252	1.500.220.048
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(421.315.165)	(5.603.356.845)
Chi phí tài chính khác	159.236.011	407.032.708
Cộng	23.740.763.055	26.217.381.106

5. Chi phí bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5.954.008.385	3.792.159.307
Chi phí vật liệu, bao bì	222.419.158	1.562.583.344
Chi phí dụng cụ, đồ dung	1.125.495.984	14.745.980
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.328.281.129	1.181.412.619
Chi phí bảo hành	73.816.440	7.593.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.443.682.422	2.946.254.929
Chi phí bằng tiền khác	14.455.202.946	4.078.363.112
Cộng	26.602.906.464	13.583.112.743
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.341.921.512	4.102.512.927
Chi phí vật liệu quản lý	120.639.241	277.180.463
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.306.204.710	23.628.257
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.662.171.025	1.708.466.022
Thuế, phí và lệ phí	245.106.601	63.567.212
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.540.329.051	549.676.477
Chi phí bằng tiền khác	4.933.454.826	3.842.597.876
Cộng	16.149.826.966	10.567.629.234
7. Thu nhập khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		39.139.405
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.304.500	83.881.000
Chuyển lãi từ các CN phụ thuộc về CTY Mẹ	1.932.060.373	
Thu nhập khác	20.864.615	93.315.530
Cộng	1.960.229.488	216.335.935
8. Chi phí khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý		39.139.405
Phạt do vi phạm hợp đồng, phạt hành chính	6.700.000	2.250.000.000
Tiền phạt, truy thu	84.434.309	
Chi phí khác	132.972.804	44.858.652
Cộng	224.107.113	2.333.998.057
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.098.627.169	(2.676.144.322)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.098.627.169	(2.676.144.322)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.994.663	26.641.463
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	42	(100)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.994.663	26.710.723
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông bán ra		66.667
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		(135.927)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.994.663	26.641.463

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng đầu tư dự án	41.428.327.000	99.800.000.000
Thanh toán tạm ứng		40.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	97.697.162.629	56.307.162.629
Cộng nợ phải thu	97.697.162.629	56.307.162.629

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Bán hàng hóa, thành phẩm	51.318.488.870	43.418.682.528
Cho thuê tài sản	30.283.635	30.283.635
Mua lại tài sản của công ty con		10.000.000
Thuê tài sản của công ty con	39.860.970	39.860.970
Mua vật tư của Sơn Hà Sài Gòn	1.586.345.718	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex		
Cho vay	5.930.701.120	
Lãi cho vay	1.908.485.000	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai		
Góp vốn bằng tiền mặt	603.654.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Bán hàng hóa, thành phẩm	6.404.563.396	13.666.229.280
Cho thuê văn phòng, thuê kho, TS	257.867.385	257.867.385
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	11.859.531.134	12.208.464.661
Thuê tài sản của CTY Năng Lượng	35.805.000	
Tiền điện	14.907.816	10.941.817
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng		
Cho vay vốn		2.217.236.000
Lãi cho vay	710.755.600	667.500.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	80.891.974.863	94.962.152.455
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	7.367.939.072	7.367.939.072
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex		
Phải thu về cho vay dài hạn	12.563.428.598	12.563.428.598
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.900.701.120	44.970.000.000
Phải thu về lãi vay	10.493.279.000	8.584.794.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		6.409.179.305

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm		6.409.179.305
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng</i>	20.794.900.500	20.084.144.900
Phải thu về cho vay dài hạn	20.084.144.900	20.084.144.900
Phải thu về lãi cho vay	710.755.600	
Cộng nợ phải thu	183.012.223.153	194.941.638.330

Lập, ngày 11 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Huyền



Nguyễn Thị Như Dung



Lê Hoàng Hà